



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NHÀ THỦ ĐỨC

82-84 Calmette, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp HCM

Mã số Doanh nghiệp: 0302346036

Website: thuduchouse.vn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

TP.HCM, ngày 27 tháng 07 năm 2022

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
1 Thông tin chung	1 - 2
2 Báo cáo Ban Tổng Giám đốc	3
3 Bảng cân đối kế toán hợp nhất.....	4 - 7
4 Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.....	8
5 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất.....	9 - 10
6 Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.....	11 - 40

Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Thủ Đức

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Thủ Đức (“Công ty”) hiện là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 4103000457 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 6 năm 2001 và các GCNĐKKD và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) điều chỉnh sau đó. Lần điều chỉnh GCNĐKDN gần nhất của Công ty là lần thứ 24 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch TDH theo Giấy phép Niêm yết số 83/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 23 tháng 11 năm 2006.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu hoặc đi thuê, xây dựng công trình nhà ở, môi giới bất động sản và mua bán hàng hóa.

Trụ sở chính đăng ký của Công ty tọa lạc tại số 82-84 Calmette, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Huy Hoàng	- Chủ tịch (bổ nhiệm Chủ tịch ngày 09 tháng 06 năm 2022) (bổ nhiệm TV HĐQT từ ngày 20 tháng 04 năm 2022)
Ông Dương Ngọc Hải	- Thành viên (giữ chức danh chủ tịch từ 22/03/2022 - 08/06/2022)
Ông Đàm Mạnh Cường	- Thành viên
Ông Lê Chí Hiếu	- Chủ tịch (từ nhiệm ngày 08 tháng 02 năm 2022)
Ông Lữ Minh Sơn	- Chủ tịch (từ nhiệm ngày 14 tháng 03 năm 2022)
Ông Tạ Chí Cường	- Thành viên (Từ nhiệm ngày 24 tháng 02 năm 2022)

ỦY BAN KIỂM TOÁN/BAN KIỂM SOÁT

Công ty đã thay đổi mô hình tổ chức quản lý thay thế Ban kiểm soát thành Ủy ban kiểm toán theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 25/NQ-ĐHĐCĐ/2022 ngày 20/04/2022, theo đó miễn nhiệm các thành viên Ban kiểm soát:

Bà Quan Diễm Trang	- Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 20 tháng 04 năm 2022)
Ông Thái Bằng Âu	- Thành viên (miễn nhiệm ngày 20 tháng 04 năm 2022)

Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Thủ Đức

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

Ông Thái Duy Phương - Thành viên
(miễn nhiệm ngày 20 tháng 04 năm 2022)

Ủy ban kiểm toán thành lập ngày 22/04/2022 và bao gồm các thành viên như sau:

Ông Dương Ngọc Hải - Chủ tịch UBKT
(bổ nhiệm ngày 22 tháng 04 năm 2022)

Ông Nguyễn Huy Hoàng - Thành viên UBKT
(bổ nhiệm ngày 22 tháng 04 năm 2022)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đàm Mạnh Cường - Tổng Giám đốc

Ông Trần Quang Nhường - Phó Tổng Giám đốc
(miễn nhiệm ngày 11 tháng 2 năm 2022)

Ông Lê Chí Thủ Khoa - Phó Tổng Giám đốc
(miễn nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2022)

Ông Lữ Minh Sơn - Phó Tổng Giám đốc
(miễn nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2022)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

- Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 30 tháng 11 năm 2021 cho đến ngày lập báo cáo này là Ông Đàm Mạnh Cường.

Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Thủ Đức
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Thủ Đức (“Công ty”) trân trọng trình bày Báo cáo này và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các Công ty con (“Tập đoàn”) cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ năm 2022 kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo đây, tôi phê chuẩn Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 03 đến trang 45. Báo cáo tài chính hợp nhất này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 06 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của kỳ kế toán sáu tháng năm 2022 kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Đàn Mạnh Cường
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 07 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 06 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
100	A. Tài sản ngắn hạn		1,149,468,875,804	1,175,753,348,472
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	44,964,292,622	29,641,772,960
111	1. Tiền		28,948,013,170	16,298,500,227
112	2. Các khoản tương đương tiền		16,016,279,452	13,343,272,733
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		36,892,768,011	113,536,438,200
121	1. Chứng khoán kinh doanh	6.1	34,543,720,507	34,543,720,507
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	6.2	(28,832,132,907)	(24,557,282,307)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6.3	31,181,180,411	103,550,000,000
130	III. Các khoản phải thu		626,285,445,924	586,958,482,272
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7.1	161,814,240,462	163,421,040,735
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7.2	24,065,927,571	23,993,975,497
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7.3	5,000,000,000	9,600,000,000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7.4	504,671,431,278	466,883,091,774
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7.1, 7.2 & 7.4	(69,266,153,387)	(76,939,625,734)
140	IV. Hàng tồn kho		438,108,282,413	444,649,926,244
141	1. Hàng tồn kho	8	603,878,607,306	610,420,251,137
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(165,770,324,893)	(165,770,324,893)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		3,218,086,834	966,728,796
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	202,915,796	351,377,770
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	18	966,821,703	177,298,541
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	18	2,048,349,335	438,052,485

Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Thủ Đức

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 06 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		652,558,186,272	666,369,598,403
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		328,761,927,753	380,410,474,440
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng			
216	2. Phải thu dài hạn khác	7.4	337,936,892,057	410,432,357,744
219	3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(9,174,964,304)	(30,021,883,304)
220	II. Tài sản cố định		3,420,028,109	3,753,458,570
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	1,745,807,195	2,030,688,230
222	- Nguyên giá		10,480,008,883	14,016,394,025
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(8,734,201,688)	(11,985,705,795)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	1,674,220,914	1,722,770,340
228	- Nguyên giá		3,783,222,616	3,783,222,616
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2,109,001,702)	(2,060,452,276)
230	III. Bất động sản đầu tư	11	139,551,781,913	141,613,314,755
231	- Nguyên giá		168,007,735,104	168,007,735,104
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(28,455,953,191)	(26,394,420,349)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	-
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	12		
242	2. Chi phí XDCB dở dang			
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	13	165,461,016,600	125,273,855,750
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		-	293,787,400
253	3. Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		181,593,553,485	181,593,553,485
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(16,132,536,885)	(56,613,485,135)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		15,363,431,897	15,318,494,888
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	10,674,953,766	10,609,218,312
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		4,511,691,324	4,511,691,324
269	3. Lợi thế thương mại	15	176,786,807	197,585,252
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1,802,027,062,076	1,842,122,946,875

Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Thủ Đức

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

<i>Mã số</i>	<i>TÀI SẢN</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
300	C. Nợ phải trả		1,175,849,379,971	1,221,349,500,304
310	I. Nợ ngắn hạn		1,117,128,420,832	1,153,943,246,205
311	1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	16	172,361,271,913	174,588,212,392
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	219,476,975,513	219,330,562,317
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	2,216,890,544	23,013,180,885
314	4. Phải trả người lao động		73,755,650	393,385,500
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	38,844,823,170	43,937,189,211
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		39,481,260	1,210,000,000
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	666,702,625,233	672,441,252,899
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn			-
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
322	10. Quỹ khen thưởng và phúc lợi		17,412,597,549	19,029,463,001
330	II. Nợ dài hạn		58,720,959,139	67,406,254,099
331	1. Phải trả người bán dài hạn		181,450,000	
336	2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn			-
337	3. Phải trả dài hạn khác	20	54,711,227,247	61,988,536,921
338	4. Vay dài hạn		-	-
341	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		1,783,752,101	2,789,229,052
342	6. Dự phòng phải trả dài hạn		2,044,529,791	2,628,488,126

Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Thủ Đức

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 06 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
400	D. Vốn chủ sở hữu		626,177,682,105	620,773,446,571
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	447,776,958,329	441,550,885,064
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		1,126,527,670,000	1,126,527,670,000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1,126,527,670,000	1,126,527,670,000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		8,837,013,346	8,771,388,868
421	4. Lỗi lũy kế		(687,587,725,017)	(693,748,173,804)
421a	- (Lỗi lũy kế) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		(731,007,880,048)	248,306,470,216
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		43,420,155,031	(942,054,644,020)
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		178,400,723,776	179,222,561,507
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1,802,027,062,076	1,842,122,946,875

Người lập biểu

Nguyễn Thị Minh Triều

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hà

Lập ngày 27 tháng 07 năm 2022

Tổng Giám đốc



Đàm Mạnh Cường

Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Thủ Đức
BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

B02a-DN

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý 2/2022	Quý 2/2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	10,152,829,097	119,351,452,080	29,937,818,580	430,240,127,182
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23	6,975,874,750	93,827,900,202	29,073,048,267	332,278,257,145
20	3. (Lỗ) / Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		3,176,954,347	25,523,551,878	864,770,313	97,961,870,037
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	3,946,337,999	216,154,026,683	14,257,335,269	303,856,736,033
22	5. Chi phí tài chính	24	16,329,748,643	50,638,371,295	(35,507,521,150)	36,495,019,208
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	16,569,313,150	-	36,104,312,339
24	6. Phần lãi trong công ty liên kết		-	930,631,343	-	2,296,961,950
25	7. Chi phí bán hàng		537,185,390	3,300,239,227	1,276,342,613	13,360,953,705
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	7,985,252,782	15,063,014,129	(1,790,845,487)	40,225,627,397
30	9. (Lỗ) / Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(17,728,894,469)	173,606,585,253	51,144,129,606	314,033,967,710
31	10. Thu nhập khác	26	1,758,365,904	706,878,428	2,883,640,753	43,635,307,002
32	11. Chi phí khác	27	695,066,466	(14,466,854,986)	11,278,124,556	85,113,400,143
40	12. (Lỗ) khác		1,063,299,438	15,173,733,414	(8,394,483,803)	(41,478,093,141)
50	13. Tổng (lỗ) / lợi nhuận kế toán trước thuế		(16,665,595,031)	188,780,318,667	42,749,645,803	272,555,874,569
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28	106,367,912	33,809,878,045	151,328,503	41,302,823,225
52	15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-	-	(13,440,843,622)
60	16. (Lỗ) / Lợi nhuận sau thuế TNDN		(16,771,962,943)	154,970,440,622	42,598,317,300	217,812,207,722
61	17. (Lỗ) của Công ty mẹ		(16,092,176,434)	140,432,333,152	43,420,155,031	173,725,542,322
62	18. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		(679,786,509)	14,538,107,470	(821,837,731)	44,086,665,400
70	19. (Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu		(143)	1,247	385	1,542
71	20. (Lỗ) suy giảm trên cổ phiếu		(143)	1,247	385	1,542

Người lập biểu



Nguyễn Thị Minh Triều

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hà



Lập ngày 27 tháng 07 năm 2022
 Tổng Giám đốc

Đàm Mạnh Cường

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Tổng (lỗ) kế toán trước thuế		42,749,645,803	272,555,874,569
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao, hao mòn và phân bổ lợi thế thương mại	9, 11	2,560,916,886	14,579,600,820
03	- Trích lập dự phòng		(60,321,053,698)	5,273,585,531
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái			
05	- Lãi từ hoạt động đầu tư		(14,364,686,354)	(347,743,065,378)
06	- Chi phí lãi vay	26		36,104,312,339
07	- Các khoản điều chỉnh khác			
08	3. (Lỗ) từ hoạt động kinh doanh thay đổi vốn lưu động		(29,375,177,363)	(19,229,692,119)
09	- Giảm, (tăng) các khoản phải thu		31,913,323,279	182,352,391,028
10	- Giảm hàng tồn kho		6,541,643,831	279,893,661,610
11	- Tăng các khoản phải trả		(72,784,572,359)	(603,135,280,471)
12	- Giảm chi phí trả trước		82,726,520	7,474,157,359
13	- Giảm chứng khoán kinh doanh			
14	- Tiền lãi vay đã trả			(40,505,017,334)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2,208,890,008)	(52,967,404,263)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		4,311,867	
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(100,878,322)	(1,395,482,825)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(65,927,512,555)	(247,512,667,015)

Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Thủ Đức
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
 cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Mã số	Chi tiêu	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ	(461,051,083)	(10,263,522,273)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	290,840,909	107,460,458,183
23	3. Tiền chi cho vay	(9,800,000,000)	(1,300,000,000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay	87,622,420,348	35,400,000,000
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		556,577,489,449
27	6. Lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	3,597,822,043	60,581,695,780
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	81,250,032,217	748,456,121,139
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
33	1. Tiền thu từ đi vay		256,383,699,546
34	2. Chi trả nợ gốc vay		(881,159,555,818)
35	3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính	-	(624,775,856,272)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	15,322,519,662	(123,832,402,148)
60	Tiền đầu kỳ	29,641,772,960	231,104,692,069
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-
70	Tiền cuối kỳ	44,964,292,622	107,272,289,921

Người lập biểu



Nguyễn Thị Minh Triều

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hà

Lập ngày 27 tháng 07 năm 2022

Tổng Giám đốc



Đặng Mạnh Cường

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Thủ Đức ("Công ty") hiện là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103000457 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 6 năm 2001 và các GCNĐKKD và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") điều chỉnh sau đó. Lần điều chỉnh GCNĐKDN gần nhất của Công ty là lần thứ 24 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch là TDH theo Giấy phép Niêm yết số 83/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 23 tháng 11 năm 2006.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu hoặc đi thuê, xây dựng công trình nhà ở, môi giới bất động sản và mua bán hàng hóa.

Trụ sở chính đăng ký của Công ty tọa lạc tại số 82-84 Calmette, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") vào ngày 30 tháng 06 năm 2022 là 79 người (31 tháng 12 năm 2021: 205).

Cơ cấu tổ chức

Công ty gồm 6 công ty con trực tiếp. Báo cáo tài chính của các công ty con đã được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn:

Công ty TNHH Nước đá Tinh khiết Đông An Bình ("DAB")

DAB hiện là một công ty trách nhiệm hữu hạn với hai thành viên trở lên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0304029762 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 9 năm 2005 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. DAB có trụ sở chính tọa lạc tại số 4, Đường số 4, Khu phố 5, Phường Tam Bình, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính trong kỳ của DAB là sản xuất, mua bán nước đá tinh khiết.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Tập đoàn sở hữu 99,6% vốn chủ sở hữu của DAB.

Công ty TNHH TM DV Lộc Phúc An (tên cũ là Cty Cp Thủ Đức House Wood Trading)

LPA hiện là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 0312561784 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 10 năm 2013 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. LPA có trụ sở chính tọa lạc tại số 82-84 Đường Calmette, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính trong kỳ của LPA là bán buôn vật liệu và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Ngày 30 tháng 03 năm 2022 Sở KHĐT Tp HCM đã xác nhận cho LPA tạm ngưng hoạt động từ ngày 01 tháng 04 năm 2022 đến 31 tháng 03 năm 2023 do hoạt động kinh gặp biến động ngoài dự kiến không đủ khả năng duy trì hoạt động.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Tập đoàn sở hữu 100% vốn chủ sở hữu của LPA.

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Lộc Phú Nhân ("LPN")

LPN hiện là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKDN số 0314526202 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20 tháng 7 năm 2017. LPN có trụ sở chính tọa lạc tại Số 3-5 Đường Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính trong kỳ của LPN là kinh doanh bất động sản. Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết 56A/2021/NQ-HĐQT về việc thông qua chủ trương giải thể LPN.

Ngày 13 tháng 06 năm 2022 Công ty Cổ phần Đầu tư Lộc Phú Nhân chính thức được giải thể.

Công ty Cổ phần Đầu tư Huế - Nhà Thủ Đức ("HTD")

HTD hiện là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 312031000042 do Ban Quản lý Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô, Tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 7 tháng 10 năm 2009 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. HTD có trụ sở chính tọa lạc tại Thôn Lập An, Thị trấn Lăng Cô, Huyện Phú Lộc, Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam. Hoạt động chính trong kỳ của HTD là xây dựng, kinh doanh bất động sản và dịch vụ nhà hàng. Ngày 24 tháng 05 năm 2022 Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành Nghị Quyết số 62/NQ-HĐQT thông qua chủ trương giải thể Công ty HTD

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Tập đoàn sở hữu 75% vốn chủ sở hữu của HTD.

Công ty TNHH Bách Phú Thịnh ("BPT")

BPT hiện là một công ty trách nhiệm hữu hạn với hai thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0310156617 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 6 năm 2010 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó. BPT có trụ sở chính tọa lạc tại Phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính trong kỳ của BPT là đầu tư, xây dựng chung cư cao tầng và cao ốc văn phòng cho thuê.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Tập đoàn sở hữu 51% vốn chủ sở hữu của BPT.

Công ty TNHH Khai Thác Dịch Vụ ThuDuc House ("TDHS")

Công ty TNHH Khai Thác Dịch Vụ ThuDuc House ("TDHS") hiện là Công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0317286647 cấp ngày 12 tháng 05 năm 2022. TDHS có trụ sở chính tại Số 82-84 Calmette, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính là kinh doanh bất động sản, kinh doanh khai thác và quản lý chợ

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng (tiếp theo)*

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tập đoàn là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 1 năm 2022 được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Tập đoàn là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ năm 2022 bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty (“công ty mẹ”) và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng năm 2022 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

2.5 *Cơ sở hợp nhất (tiếp theo)*

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ năm 2022 giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của các công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu các công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho, chủ yếu là bất động sản được mua hoặc đang được xây dựng để bán trong điều kiện kinh doanh bình thường, hơn là nắm giữ nhằm mục đích cho thuê hoặc chờ tăng giá, và được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành bao gồm:

- Chi phí để có quyền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất;
- Chi phí xây dựng trả cho các nhà thầu; và
- Chi phí đi vay, chi phí lập kế hoạch và thiết kế, chi phí giải phóng mặt bằng, chi phí cho các dịch vụ pháp lý chuyên nghiệp, thuế chuyển nhượng bất động sản, chi phí xây dựng chung và các chi phí khác có liên quan.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường tại ngày kết thúc năm tài chính và chiết khấu cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất được xác định theo các chi phí cụ thể phát sinh của bất động sản đó và các chi phí chung phân bổ dựa trên diện tích tương ứng của bất động sản bán đó.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

3.4 Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc: 25 - 50 năm

Phương tiện vận tải: 05 - 10 năm

Thiết bị dụng cụ quản lý: 03 - 05 năm

Phần mềm máy tính: 03 - 06 năm

Quyền sử dụng đất vô thời hạn thì không được trích hao mòn.

3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào hoạt động.

3.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Tập đoàn có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

- Nhà cửa và kiến trúc: 25 năm.
- Quyền sử dụng đất: 25 năm.

3.8 Bất động sản đầu tư (tiếp theo)

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng.

Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán.

Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.9 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ, ngoại trừ các khoản được vốn hóa như nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.12 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Tập đoàn được hơn 12 tháng tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo.

Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.13 Mua tài sản và hợp nhất kinh doanh

Tập đoàn mua các công ty con sở hữu tài sản và có các hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tại thời điểm mua, Tập đoàn sẽ xác định việc mua công ty con có phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh hay không.

Giao dịch này được coi là hoạt động hợp nhất kinh doanh nếu công ty con có các hoạt động sản xuất kinh doanh gắn liền với tài sản được mua.

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

3.13 Mua tài sản và hợp nhất kinh doanh (tiếp theo)

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ, công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại các công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng kỳ thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

Nếu việc mua lại công ty con không phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh, giao dịch đó được hạch toán như là một giao dịch mua một nhóm các tài sản và nợ phải trả. Giá phí mua được phân bổ vào các tài sản và nợ phải trả dựa trên giá trị hợp lý tương ứng của các tài sản và nợ phải trả, và không có lợi thế thương mại hay thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận.

3.14 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các Tập đoàn con

Khoản đầu tư vào các Tập đoàn con mà trong đó Tập đoàn nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tập đoàn nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Tập đoàn con sau ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các Tập đoàn liên kết

Các khoản đầu tư vào các Tập đoàn liên kết mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các Tập đoàn liên kết sau ngày Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn

Dự phòng cho giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.15 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.16 Các khoản dự phòng

Tập đoàn ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Tập đoàn có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khi Tập đoàn cho rằng một phần hoặc toàn bộ chi phí để thanh toán một khoản dự phòng sẽ được hoàn lại, ví dụ như thông qua hợp đồng bảo hiểm, khoản bồi hoàn này chỉ được ghi nhận là một tài sản hợp nhất biệt khi việc nhận được bồi hoàn là gần như chắc chắn. Chi phí liên quan đến các khoản dự phòng được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất sau khi đã trừ đi các khoản bồi hoàn.

Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì giá trị của một khoản dự phòng cần được chiết khấu về giá trị hiện tại sử dụng tỷ lệ chiết khấu là tỷ lệ trước thuế và phản ánh rõ những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khi giá trị của khoản dự phòng được chiết khấu, phần tăng lên theo thời gian của khoản dự phòng được ghi nhận là chi phí tài chính.

3.17 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.18 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Tập đoàn và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.19 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán bất động sản

Một bất động sản được xem như là đã bán khi các rủi ro và lợi ích trọng yếu đã chuyển sang cho người mua, mà thông thường là cho các hợp đồng không có điều kiện trao đổi. Đối với trường hợp có điều kiện trao đổi, doanh thu chỉ được ghi nhận khi các điều kiện chủ yếu được đáp ứng.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cho thuê

Các khoản doanh thu tiền thuê phải thu dưới hình thức thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê, ngoại trừ các khoản thu nhập cho thuê bất thường được ghi nhận khi phát sinh.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

3.20 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.21 Lãi (lỗ) trên cổ phiếu

Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.22 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

3.23 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các Tập đoàn hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. GIAO DỊCH CHUYỂN NHƯỢNG VỐN GÓP

Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Thủ Đức
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

5. TIỀN

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Tiền mặt	10,540,817,094	977,049,836
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	18,407,196,076	15,321,450,391
Các khoản tương đương tiền	16,016,279,452	13,343,272,733
TỔNG CỘNG	<u>44,964,292,622</u>	<u>29,641,772,960</u>

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

6.1 Chứng khoán kinh doanh

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Cổ phiếu niêm yết	34,543,720,507	34,543,720,507
TỔNG CỘNG	<u>34,543,720,507</u>	<u>34,543,720,507</u>
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(28,832,132,907)	(24,557,282,307)
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>5,711,587,600</u>	<u>9,986,438,200</u>

Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Thủ Đức
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

6.1 Chứng khoán kinh doanh (tiếp theo)

Chi tiết các khoản chứng khoán kinh doanh như sau:

	Ngày 30 tháng 06 năm 2022		Ngày 31 tháng 12 năm 2021	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
Cổ phiếu niêm yết				
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng và Bất động sản Thái Bình Dương	2,400,000	24,278,390,555	2,400,000	24,278,390,555
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	156,942	10,227,309,952	156,942	10,227,309,952
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	8,273	38,020,000	8,273	38,020,000
TỔNG CỘNG		34,543,720,507		34,543,720,507
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh niêm yết		(28,832,132,907)		(24,557,282,307)
GIÁ TRỊ THUẬN		5,711,587,600		9,986,438,200

6.2 Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh

Chi tiết dự phòng giảm giá cổ phiếu niêm yết tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 như sau:

Tên Công ty	Số lượng cổ phiếu	Giá trị thị trường (VND)	Giá trị ghi số (VND)	Dự phòng giảm giá (VND)
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng và Bất động sản Thái Bình Dương	2,400,000	2,880,000,000	24,278,390,555	(21,398,390,555)
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	156,942	2,793,567,600	10,227,309,952	(7,433,742,352)
TỔNG CỘNG				(28,832,132,907)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (tiếp theo)

6.3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	VND	
	Ngày 30 tháng 06 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Tiền gửi (*)	31,181,180,411	103,550,000,000
TỔNG CỘNG	31,181,180,411	103,550,000,000

(*) Số dư này thể hiện khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn trên ba tháng và hưởng lãi suất có thể áp dụng.

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU

7.1 Phải thu của khách hàng

	VND	
	Ngày 30 tháng 06 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng và Bất động sản Thái Bình Dương	19,070,119,116	19,070,119,116
Cty CP QL & KD Chợ Nông Sản Thủ Đức	16,650,000,000	16,650,000,000
Cty TNHH TM Quốc tế Dệt May Việt Nam	10,750,000,000	10,750,000,000
Công ty CP Địa ốc Thăng Lợi	9,289,670,131	9,289,670,131
Phải thu khách hàng khác	106,054,451,215	107,661,251,488
TỔNG CỘNG	161,814,240,462	163,421,040,735
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(51,638,812,989)	(45,538,475,522)
GIÁ TRỊ THUẦN	110,175,427,473	117,882,565,213

7.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VND	
	Ngày 30 tháng 06 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Công ty Luật TNHH Bùi Gia Và Cộng Sự	16,000,000,000	16,000,000,000
Khác	8,065,927,571	7,993,975,497
TỔNG CỘNG	24,065,927,571	23,993,975,497
Dự phòng khó đòi	-	-
GIÁ TRỊ THUẦN	24,065,927,571	23,993,975,497

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU (tiếp theo)

7.3 Phải thu về cho vay

	VND	
	Ngày 30 tháng 06 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Công ty Cổ phần Dệt may Liên Phương	5,000,000,000	5,000,000,000
Công ty TNHH Xây Dựng và Cơ Điện Daewon	-	4,600,000,000
TỔNG CỘNG	5,000,000,000	9,600,000,000

7.4 Phải thu khác

	VND	
	Ngày 30 tháng 06 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Ngắn hạn		
Phải thu đối với các khoản tạm nộp cho cơ quan chức năng Nhà nước	365,547,441,471	365,547,441,471
Phải thu về cho mượn vốn	18,194,447,558	18,194,447,558
Phải thu về lãi tiền cho vay	2,891,861,312	3,565,344,469
Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia	10,494,739,344	10,270,561,452
Tạm ứng phục vụ công tác đầu tư và hoạt động kinh doanh	192,618,540	416,472,500
Phải thu về Hợp đồng hợp tác kinh doanh (*)	20,896,200,569	20,896,200,569
Ký quỹ	25,071,998,496	25,073,998,496
Phải thu khác	61,382,123,988	22,918,625,259
Cộng	504,671,431,278	466,883,091,774
Dài hạn		
Phải thu về Hợp đồng hợp tác kinh doanh (*)	328,716,511,169	394,822,537,611
Ký quỹ	1,080,000,000	5,080,000,000
Phải thu khác	8,140,380,888	10,529,820,133
Cộng	337,936,892,057	410,432,357,744
TỔNG CỘNG	842,608,323,335	877,315,449,518
Dự phòng phải thu khó đòi	(26,802,304,702)	(61,423,033,516)
GIÁ TRỊ THUẦN	815,806,018,633	815,892,416,002

Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Thủ Đức
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

7.4 Phải thu khác (tiếp theo)

(*) Chi tiết phải thu về hợp đồng hợp tác kinh doanh:

<i>Bên hợp tác kinh doanh</i>	<i>Nội dung hợp tác</i>	<i>Tỷ lệ phân chia lợi nhuận/ sản phẩm</i>	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>	<i>VND</i>
Ngắn hạn			20,896,200,569	20,896,200,569	
Công ty Cổ phần Dệt may Liên Phương	Đầu tư Dự án 39-41-43 Võ Văn Kiệt	Theo thỏa thuận	20,896,200,569	20,896,200,569	
Dài hạn			328,716,511,169	394,822,537,611	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Tập phẩm Sài Gòn	Dự án nhà ở TDH Tocontap	70%	143,182,207,075	143,182,207,075	
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng và Bất động sản Thái Bình Dương	Dự án 26 ha, giai đoạn 2 - Khu dân cư Trung Tâm tại Tỉnh Long An	65%	126,143,024,175	126,143,024,175	
Công ty Cổ phần Dệt may Liên Phương	Khu nhà ở và TTTM Phước Long B, Q.9	74.40%	41,396,934,199	41,396,934,199	
Các cá nhân	Ủy thác đầu tư	Theo thỏa thuận	-	65,357,000,000	
Công ty Cổ phần Dệt may Liên Phương	Hợp đồng Hợp tác đầu tư	Theo thỏa thuận	350,000,000	350,000,000	
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Sài Gòn	Cao ốc Văn phòng Xanh tại 219 - 221, Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Bình Thạnh	45%	12,937,749,320	13,686,775,762	
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn	Khu nhà ở Bình An	12.50%	4,706,596,400	4,706,596,400	
TỔNG CỘNG			349,612,711,738	415,718,738,180	

8. HÀNG TỒN KHO

	Ngày 30 tháng 06 năm 2022	VND Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	603,857,406,180	610,392,706,488
Công cụ dụng cụ tồn kho, thành phẩm	21,201,126	27,544,649
TỔNG CỘNG	603,878,607,306	610,420,251,137

(*): Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các dự án bất động sản như sau:

	Ngày 30 tháng 06 năm 2022	VND Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang các dự án bất động sản		
Dự án khu phức hợp Centum Wealth, TP.HCM	171,323,219,941	175,708,521,938
Khu Đô thị Dịch vụ Thương mại Long Hội, Long An	165,770,324,893	165,770,324,893
Dự án Golden Hill, Phú Mỹ, Bà Rịa – Vũng Tàu	150,833,856,198	158,895,003,294
Trung Tâm Thương mại Phước Long, TP. HCM	40,384,648,407	40,317,789,298
Chung cư TDH Trường Thọ, TP.HCM	29,712,459,814	29,712,459,814
Khu nhà ở 6,5 ha Phường Bình An, TP.HCM	21,991,395,818	21,923,568,506
Chung cư TDH Phước Bình, TP.HCM	10,336,774,397	10,336,774,397
Khác	1,410,654,244	1,410,654,244
Cộng	591,763,333,712	604,075,096,384
Chi phí dở dang của các công trình xây lắp	12,094,072,468	6,317,610,104
TỔNG CỘNG	603,857,406,180	610,392,706,488
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(165,770,324,893)	(165,770,324,893)
GIÁ TRỊ THUẦN	438,087,081,287	444,622,381,595

Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Thủ Đức
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	2,671,122,160	5,006,089,815	5,663,670,164	448,566,432	226,945,454	14,016,394,025
Thanh lý	(357,659,000)	(2,758,477,728)	(302,333,455)	(117,914,959)		(3,536,385,142)
Vào ngày 30 tháng 06 năm 2022	2,313,463,160	2,247,612,087	5,361,336,709	330,651,473	226,945,454	10,480,008,883
Giá trị khấu hao lũy kế						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	(2,271,576,294)	(5,050,385,182)	(4,058,780,441)	(402,041,156)	(202,922,722)	(11,985,705,795)
Hao mòn trong kỳ	(36,049,800)		(398,542,637)	(43,599,984)	(20,590,908)	(498,783,329)
Thanh lý trong kỳ	357,659,000	2,802,773,095	302,333,455	287,521,886		3,750,287,436
Thanh lý	-	-	-	-	-	-
Vào ngày 30 tháng 06 năm 2022	(1,949,967,094)	(2,247,612,087)	(4,154,989,623)	(158,119,254)	(223,513,630)	(8,734,201,688)
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	399,545,866		1,604,889,723	46,525,276	24,022,732	2,030,688,230
Vào ngày 30 tháng 06 năm 2022	363,496,066		1,206,347,086	172,532,219	3,431,824	1,745,807,195

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>VND Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	1,256,243,035	2,526,979,581	3,783,222,616
Thanh lý/ Giảm khác	-	-	-
Vào ngày 30 tháng 06 năm 2022	1,256,243,035	2,526,979,581	3,783,222,616
Giá trị hao mòn lũy kế			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	(1,191,243,033)	(869,209,243)	(2,060,452,276)
Trích khấu hao trong kỳ	(21,666,666)	(26,882,760)	(48,549,426)
Vào ngày 30 tháng 06 năm 2022	(1,212,909,699)	(896,092,003)	(2,109,001,702)
Giá trị còn lại			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	65,000,002	1,657,770,338	1,722,770,340
Vào ngày 30 tháng 06 năm 2022	43,333,336	1,630,887,578	1,674,220,914

11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	<i>Nhà cửa và vật kiến trúc</i>	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>VND Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	130,053,189,649	37,954,545,455	168,007,735,104
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Vào ngày 30 tháng 06 năm 2022	130,053,189,649	37,954,545,455	168,007,735,104
Giá trị hao mòn lũy kế			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	(22,851,996,095)	(3,542,424,254)	(26,394,420,349)
Hao mòn trong kỳ	(1,302,441,930)	(759,090,912)	(2,061,532,842)
Vào ngày 30 tháng 06 năm 2022	(24,154,438,025)	(4,301,515,166)	(28,455,953,191)
Giá trị còn lại			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	107,201,193,554	34,412,121,201	141,613,314,755
Vào ngày 30 tháng 06 năm 2022	105,898,751,624	33,653,030,289	139,551,781,913

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 30 tháng 06 năm 2022. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng giá trị thực tế của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị ghi sổ tại ngày này.

12. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH DỒ DANG DÀI HẠN

Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Thủ Đức
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 06 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 13.2)	-	293,787,400
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác (Thuyết minh số 13.1)	<u>181,593,553,485</u>	<u>181,593,553,485</u>
TỔNG CỘNG	<u>181,593,553,485</u>	<u>181,887,340,885</u>
Dự phòng cho các khoản đầu tư tài chính dài hạn	<u>(16,132,536,885)</u>	<u>(56,613,485,135)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>165,461,016,600</u>	<u>125,273,855,750</u>

13.1 Đầu tư tài chính dài hạn khác

	VND	
	Ngày 30 tháng 06 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Công ty Cổ phần Dệt may Liên Phương	32,279,856,600	32,279,856,600
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu và Đầu tư Thừa Thiên Huế	4,500,000,000	4,500,000,000
Công ty CP BĐS Phát triển Nhà TP.HCM	3,200,000,000	3,200,000,000
Công ty Cổ phần Phát triển Ngôi nhà Huế	2,000,000,000	2,000,000,000
Công ty Cổ phần Ngoại thương và Phát triển Đầu tư TP.HCM ("FDC")	<u>139,613,696,885</u>	<u>139,613,696,885</u>
TỔNG CỘNG	<u>181,593,553,485</u>	<u>181,593,553,485</u>
Dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác	<u>(16,132,536,885)</u>	<u>(56,613,485,135)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>165,461,016,600</u>	<u>124,980,068,350</u>

Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Thủ Đức
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Ngày 30 tháng 06 năm 2022		Ngày 31 tháng 12 năm 2021	
			Vốn đầu tư VND	Tỷ lệ biểu quyết %	Vốn đầu tư VND	Tỷ lệ biểu quyết %
Công ty Cổ phần Đầu tư Nghĩa Phú (*)	Bất động sản	Đã giải thể	-	20.00	293,787,400	20.00
TỔNG CỘNG			-		293,787,400	
Dự phòng các khoản đầu tư vào các công ty liên kết			-		-	
GIÁ TRỊ THUẬN			-		293,787,400	

Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Thủ Đức
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Ngày 30 tháng 06 năm 2022	VND Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Ngắn hạn		
Chi phí hoa hồng, môi giới	-	44,853,711
Khác	202,915,796	306,524,059
	202,915,796	351,377,770
Dài hạn		
Chi phí hoa hồng môi giới	5,540,144,272	5,693,046,138
Tiền thuê đất	3,768,037,000	3,830,147,500
Chi phí sửa chữa lớn	1,317,956,022	982,788,836
Công cụ, dụng cụ	13,238,117	88,425,824
Khác	35,578,355	14,810,014
	10,674,953,766	10,609,218,312
TONG CỘNG	10,877,869,562	10,960,596,082

15. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	VND
Nguyên giá	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	1,899,106,031
Thanh lý công ty con	
Vào ngày 30 tháng 06 năm 2022	1,899,106,031
Giá trị phân bổ lũy kế	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	(1,701,520,779)
Phân bổ trong kỳ	(20,798,445)
Thanh lý công ty con	
Vào ngày 30 tháng 06 năm 2022	(1,722,319,224)
Giá trị còn lại	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	197,585,252
Vào ngày 30 tháng 06 năm 2022	176,786,807

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngày 30 tháng 06 năm 2022	VND Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng và Bất động sản Thái Bình Dương	137,859,576,250	137,859,576,250
Phải trả các bên khác	34,501,695,663	36,728,636,142
TONG CỘNG	172,361,271,913	174,588,212,392

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Ngày 30 tháng 06 năm 2022	VND Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Trả trước từ khách hàng mua căn hộ và nhà	5,943,122,225	9,762,742,329
Nhận tạm ứng chuyển nhượng dự án	199,397,377,796	199,397,377,796
Các bên khác	14,136,475,492	10,170,442,192
TỔNG CỘNG	219,476,975,513	219,330,562,317

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU / PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Ngày 30 tháng 06 năm 2022	VND Ngày 31 tháng 12 năm 2021
<i>Phải thu</i>		
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	966,821,703	724,590
Thuế giá trị gia tăng phải thu	24,300,000	248,689,097
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,090,950,091	365,937,339
Các thuế khác	933,099,244	-
TỔNG CỘNG	3,015,171,038	615,351,026
<i>Phải nộp</i>		
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2,052,526,874	3,432,890,443
Thuế giá trị gia tăng	79,204,134	16,967,502,190
Thuế thu nhập cá nhân	85,159,536	71,465,124
Các thuế khác	-	2,541,323,128
TỔNG CỘNG	2,216,890,544	23,013,180,885

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Ngày 30 tháng 06 năm 2022	VND Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Chi phí xây dựng các dự án	26,255,235,439	30,564,356,119
Chi phí hạ tầng kỹ thuật khu Trung tâm		
Dịch vụ Thương mại và Nhà ở An Phú	12,588,587,731	12,588,587,731
Lương tháng 13	-	723,871,566
Chi phí khác	1,000,000	60,373,795
TỔNG CỘNG	38,844,823,170	43,937,189,211

20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2022</i>	<i>VND Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Ngắn hạn		
Thu hộ tiền bán đất Dự án Tocontap	143,313,617,061	143,313,617,061
Phải nộp theo các QĐ của Cục thuế	476,963,779,269	476,597,058,225
Phải trả cho trái chủ	6,394,800,000	6,394,800,000
Mượn vốn	31,525,800,000	22,702,800,000
Khác	8,504,628,903	23,432,977,613
	<u>666,702,625,233</u>	<u>672,441,252,899</u>
Dài hạn		
Nhận góp vốn đầu tư vào khu nhà 6,5 ha Bình An, quận 2	19,519,525,782	19,519,525,782
Nhận góp vốn hợp tác kinh doanh Dự án Khu nhà ở 3,3 ha Hiệp Bình Phước	8,039,260,343	8,039,260,343
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1,921,861,885	3,021,387,370
Nhận đặt cọc dịch vụ tiếp thị, phân phối độc quyền và phát triển dự án chung cư TDH Bình Chiểu	2,655,000,000	2,655,000,000
Khác	22,575,579,237	28,753,363,426
	<u>54,711,227,247</u>	<u>61,988,536,921</u>
TỔNG CỘNG	<u>721,413,852,480</u>	<u>734,429,789,820</u>

Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Thủ Đức
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU								VND
21.1	Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu	Chi tiêu	Vốn chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối (Lỗ lũy kế)	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng Vốn chủ sở hữu
	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021							
	Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020		1,126,527,670,000	123,549,884,963	279,412,686,290	(142,988,671,199)	850,697,227,497	2,237,198,797,551
	Lỗ trong kỳ		-	-	-	(942,054,644,020)	51,558,022,218	(890,496,621,802)
	Thanh lý công ty con		-	-	(774,143,544)	-	(669,694,842,737)	(670,468,986,281)
	Trích quỹ đầu tư phát triển		-	-	8,271,972,845	(8,271,972,845)	-	-
	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi		-	-	-	(2,121,897,426)	(1,720,575,658)	(3,842,473,084)
	Cổ tức công bố		-	-	-	-	(51,617,269,813)	(51,617,269,813)
	Sử dụng thặng dư vốn cổ phần và quỹ đầu tư phát triển để bù đắp lỗ lũy kế		-	(123,549,884,963)	(278,139,126,723)	401,689,011,686	-	-
	Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021		1,126,527,670,000	-	8,771,388,868	(693,748,173,804)	179,222,561,507	620,773,446,571
	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022							
	Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021		1,126,527,670,000	-	8,771,388,868	(693,748,173,804)	179,222,561,507	620,773,446,571
	Lợi nhuận (lỗ) trong kỳ		-	-	65,624,478	43,420,155,031	(821,837,731)	42,663,941,778
	Giảm khác (bù lỗ, thay đổi từ việc giám NCI)		-	-	-	(37,259,706,244)	-	(37,259,706,244)
	Vào ngày 30 tháng 06 năm 2021		1,126,527,670,000	-	8,837,013,346	(687,587,725,017)	178,400,723,776	626,177,682,105

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Ngày 30 tháng 06 năm 2022	VND Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Vốn cổ phần		
Vốn góp đầu kỳ	1,126,527,670,000	1,126,527,670,000
Vốn góp cuối kỳ	1,126,527,670,000	1,126,527,670,000

21.3 Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 06 năm 2022	Số cổ phiếu Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Số lượng cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	112,652,767	112,652,767
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	112,652,767	112,652,767
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	112,652,767	112,652,767

21.4 (Lỗ) lãi trên cổ phiếu

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021
(Lỗ) lợi nhuận sau thuế TNDN của công ty mẹ	43,420,155,031	173,725,542,322
Lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	43,420,155,031	173,725,542,322
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ (cổ phiếu)	112,652,767	112,652,767
Lỗ lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	385	1,542
Lỗ lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	385	1,542

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

22. DOANH THU

22.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022</i>	<i>VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021</i>
Doanh thu bán hàng hoá và thành phẩm	3,152,106,033	96,178,016,518
Doanh thu bán hàng bất động sản	6,504,848,254	305,268,995,820
Doanh thu cung cấp dịch vụ	12,476,365,225	13,512,186,091
Doanh thu từ kinh doanh bất động sản đầu tư	7,804,499,068	15,235,385,661
Doanh thu bán hàng khác	-	45,543,092
TỔNG CỘNG	29,937,818,580	430,240,127,182

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022</i>	<i>VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021</i>
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư	10,048,136,523	292,570,347,573
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3,525,124,936	1,869,138,000
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	673,577,697	8,085,199,904
	10,496,113	1,332,050,556
TỔNG CỘNG	14,257,335,269	303,856,736,033

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022</i>	<i>VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021</i>
Giá vốn của hàng hóa và thành phẩm đã bán	3,121,133,246	86,721,090,054
Giá vốn của bất động sản đã bán	4,477,101,997	226,875,933,360
Giá vốn của HĐXD, dịch vụ đã cung cấp	10,352,544,602	13,439,532,627
Giá vốn kinh doanh bất động sản đầu tư	11,122,268,422	5,241,701,104
Giá vốn hàng bán khác		
TỔNG CỘNG	29,073,048,267	332,278,257,145

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022</i>	<i>VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021</i>
Chi phí lãi vay		36,104,312,339
Dự phòng (hoàn nhập) giảm giá các khoản đầu tư	(35,801,308,550)	56,735,137
Khác	293,787,400	333,971,732
TỔNG CỘNG	(35,507,521,150)	36,495,019,208

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021</i>
Chi phí nhân viên	9,794,554,560	21,280,039,273
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6,114,190,862	5,784,159,015
Chi phí khấu hao, hao mòn, dự phòng	(21,010,152,738)	7,716,514,721
Chi phí nhiên liệu, dụng cụ văn phòng, và chi phí khác	3,310,561,829	5,444,914,388
	(1,790,845,487)	40,225,627,397

26. THU NHẬP KHÁC

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021</i>
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	199,181,818	42,698,092,405
Phạt vi phạm hợp đồng	2,339,979,948	516,818,110
Thu nhập khác	344,478,987	420,396,487
TONG CỘNG	2,883,640,753	43,635,307,002

27. CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021</i>
Tiền phạt thuế	366,721,037	29,106,349,766
Chi phí từ phạt vi phạm hợp đồng	-	5,537,031,509
Chi phí khác	10,911,403,519	50,470,018,868
TONG CỘNG	11,278,124,556	85,113,400,143

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	-	17,375,921,580
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty con	151,328,503	23,926,901,645
Thuế TNDN hiện hành	151,328,503	41,302,823,225

Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Thủ Đức
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

29. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022 như sau:

Tên	Chức vụ	Thu nhập VND
Ông Nguyễn Huy Hoàng	Chủ tịch HĐQT (bổ nhiệm CT ngày 09 tháng 06 năm 2022) Bổ nhiệm TV HĐQT từ ngày 20 tháng 04 năm 2022	57,000,000
	Chủ tịch HĐQT (từ nhiệm ngày 08 tháng 02 năm 2022)	78,041,000
Ông Lữ Minh Sơn	Chủ tịch HĐQT (từ nhiệm ngày 14 tháng 03 năm 2022)	191,411,362
Ông Dương Ngọc Hải	Chủ tịch HĐQT (bổ nhiệm ngày 22 tháng 03 năm 2022)	161,000,000
Ông Đàm Mạnh Cường	TV HĐQT-Tổng Giám đốc	621,945,001
Ông Tạ Chí Cường	Thành viên HĐQT (từ nhiệm ngày 24 tháng 02 năm 2022)	30,000,000
Ông Trần Quang Như	P.Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 11 tháng 2 năm 2022)	70,655,000
	P.Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2022)	88,047,727
Ông Lê Chí Thủ Khoa	TV Ban Kiểm Soát	32,000,000
Ông Thái Bằng Ấu	TV Ban Kiểm Soát	32,000,000
Ông Thái Duy Phương	TV Ban Kiểm Soát	32,000,000
Bà Quan Diễm Trang	Trưởng Ban Kiểm Soát	78,567,091
Bà Quan Diễm Trang	Ban kiểm toán nội bộ	64,760,909

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Các công ty phát sinh các nghiệp vụ liên quan như sau:

Tên công ty / Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022 VND
Công ty TNHH Bách Phú Thịnh	Thu nhập cổ tức	39,648,506,019
	Trả lợi nhuận HTKD	4,629,205,480
	Trả lãi chậm trả phần lợi nhuận HTKD	251,499,026
	Trả hộ lãi vay	9,273,342,786
Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Lộc Phúc An	Thu tiền cho thuê VP Q4/2021	3,300,000
Công ty Cổ phần Đầu tư Lộc Phú Nhân - (Công ty con)	Hoàn vốn	179,816,505
Công ty TNHH Nước đá Tinh khiết Đông An Bình (Công ty con)	Mượn vốn	7,000,000,000
Công ty TNHH Khai Thác Dịch Vụ ThuDuc House (Công ty con)	Góp vốn thành lập công ty	20,000,000,000
	Mượn vốn	5,000,000,000
	Phân chia doanh thu hợp tác	292,136,523

Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Thủ Đức

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

30. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Thông tin về tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo lĩnh vực kinh doanh:

	Kinh doanh BĐS		Thương mại, dịch vụ		Các hoạt động khác		Hợp nhất	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bộ phận	6,504,848,254	23,432,970,326	-	-	-	-	29,937,818,580	-
Giá vốn	4,477,101,997	24,595,946,270	-	-	-	-	29,073,048,267	-
Lợi nhuận bộ phận	2,027,746,257	(1,162,975,944)	-	-	-	-	864,770,313	-
Chi phí bán hàng	-	-	-	-	-	-	1,276,342,613	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-	(1,790,845,487)	-
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	-	-	14,257,335,269	-
Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	-	(35,507,521,150)	-
(Lỗ) Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	-	-	51,144,129,606	-
Thu nhập khác	-	-	-	-	-	-	2,883,640,753	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-	-	11,278,124,556	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	-	-	-	-	151,328,503	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	-	-	-	-	-	-
(Lỗ) Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN	-	-	-	-	-	-	42,598,317,300	-

Báo cáo bộ phận thứ yếu - Theo khu vực địa lý:

Hoạt động của Tập đoàn được thực hiện chủ yếu ở khu vực phía Nam, do đó Tập đoàn không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

31. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

	Ngày 30 tháng 06 năm 2022	VND Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Tài sản giữ hộ	<u>22.737.627.000</u>	<u>22.737.627.000</u>

Tập đoàn được giao tiếp nhận và quản lý một số tài sản được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước tại Dự án Chợ đầu mối phía đông thành phố (“Chợ đầu mối nông sản Thủ Đức”) theo Quyết định Số 4363/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2008 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc quyết toán vốn đầu tư các hạng mục sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước của dự án Chợ đầu mối phía đông thành phố.

32. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

Nguyễn Thị Minh Triều
Người lập

Nguyễn Thị Hà
Kế toán trưởng



Đàm Mạnh Cường
Tổng Giám đốc

Lập ngày 27 tháng 07 năm 2022

Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Thủ Đức

GIẢI TRÌNH BIẾN ĐỘNG KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2022

Giải trình nguyên nhân biến động Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty trong Quý 2 năm 2022

Chỉ tiêu	Quý 2/2022	Quý 2/2021
(Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế TNDN	(16.771.962.943)	154.970.440.622

Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty trong Quý 2 năm 2022 là 16,8 tỷ đồng, nguyên nhân chủ yếu do chi phí tài chính, dự phòng giảm giá các khoản đầu tư (14,95 tỷ đồng). Lũy kế 6 tháng đầu năm 2022, lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ đạt 43,4 tỷ đồng, đạt 14,3% kế hoạch năm 2022.



Đàm Mạnh Cường

Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 7 năm 2022 *DMC*